

Số: /BC-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO TUẦN

Kết quả đánh giá Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử (tính từ 20/10/2025 đến 27/10/2025).

Kính gửi: - Thường Trực tỉnh ủy
- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử;

Căn cứ vào kết quả công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>), Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công của tỉnh như sau:

I. KẾT QUẢ CHUNG

1. Theo kết quả công bố trên Cổng dịch vụ công quốc gia:

Tính đến ngày 27/10/2025, tỉnh Bắc Ninh đạt **91,73/100 điểm**, tiếp tục giữ vững vị trí **số 1/34** tỉnh, thành phố – **tuần thứ sáu liên tiếp** dẫn đầu cả nước về Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

Tuy nhiên, tuần này ghi nhận diễn biến đáng chú ý: Bắc Ninh giảm **0,05 điểm** (từ 91,78 xuống 91,73 điểm), trong khi Đồng Nai - tỉnh xếp hạng 2 - lại tăng mạnh 0,42 điểm (từ 90,68 lên 91,10 điểm). Khoảng cách giữa hai tỉnh dẫn đầu đã thu hẹp đáng kể từ **1,10 điểm** xuống chỉ còn **0,63 điểm**, giảm tới **0,47 điểm** (tương đương 42,7%) chỉ trong một tuần. Đặc biệt, trong khi Bắc Ninh là tỉnh duy nhất trong Top 5 bị giảm điểm, thì 4 tỉnh còn lại đều ghi nhận mức tăng từ +0,11 đến +0,53 điểm, cho thấy xu hướng đang dần đi xuống của tỉnh so với các địa phương.

Đây là tuần có diễn biến đáng chú ý nhất kể từ khi tỉnh Bắc Ninh dẫn đầu. Với tốc độ thu hẹp khoảng cách như hiện nay, tỉnh có nguy cơ bị các địa phương khác vượt qua trong 1–2 tuần tới nếu không có giải pháp quyết liệt, kịp thời.

2. So sánh Top 10 toàn quốc và phân tích xu hướng:

Thứ hạng	Tỉnh/TP	Điểm 20/10	Điểm 27/10	Biến động	Khoảng cách với BN
1	Bắc Ninh	91.78	91.73	-0.05	—
2	Đồng Nai	90.68	91.10	+0.42	-0.63
3	Cà Mau	90.28	90.81	+0.53	-0.92
4	Hải Phòng	90.50	90.80	+0.30	-0.93
5	Thái Nguyên	90.62	90.73	+0.11	-1.00
6	Thanh Hóa	89.68	90.33	+0.65	-1.40
7	Quảng Trị	89.81	90.07	+0.26	-1.66
8	Gia Lai	89.24	89.80	+0.56	-1.93
9	Quảng Ninh	89.22	89.50	+0.28	-2.23
10	Đồng Tháp	—	88.77	Mới vào Top	-2.96

Phân tích tình hình cạnh tranh:

- TOP 5 đều TĂNG điểm: Trong khi Bắc Ninh giảm, 4/4 tỉnh còn lại trong Top 5 đều tăng điểm mạnh. Đặc biệt Cà Mau tăng +0.53 điểm, Đồng Nai +0.42, Hải Phòng +0.30.

- Đồng Nai đã vượt mốc 91 điểm: Hiện có 2 tỉnh trên 91 điểm (Bắc Ninh và Đồng Nai), cho thấy cuộc cạnh tranh cực kỳ khốc liệt ở nhóm đầu.

- Nhóm theo sau rất gần: Cà Mau (90.81) và Hải Phòng (90.80) chỉ cách Bắc Ninh khoảng 0.9 điểm. Với tốc độ tăng hiện tại (+0.5 điểm/tuần), các tỉnh này có thể vượt Bắc Ninh chỉ trong 2 tuần.

- Thanh Hóa bứt phá ấn tượng: Tăng +0.65 điểm, mức tăng cao nhất trong Top 10, từ hạng 7 lên hạng 6. Đây là địa phương đáng chú ý với đà tăng trưởng mạnh.

- An Giang rơi khỏi Top 10: Đồng Tháp (88.77) vào thay thế. Điều này cho thấy cạnh tranh không chỉ ở top mà lan rộng.

3. Diễn biến các chỉ số thành phần tỉnh Bắc Ninh

Chỉ số	Điểm tối đa	Tuần 20/10	Tuần 27/10	Biến động
Công khai, minh bạch	18	15.64	15.64	= Giữ nguyên
Tiến độ giải quyết	20	19.07	19.12	↑ +0.05
Dịch vụ công trực tuyến	12	8.36	8.44	↑ +0.08
Thanh toán trực tuyến	10	9.98	9.77	↓ -0.21
Mức độ hài lòng	18	17.86	17.86	= Giữ nguyên
Số hóa hồ sơ	22	20.87	20.90	↑ +0.03
TỔNG ĐIỂM	100	91.78	91.73	↓ -0.05

4. Đánh giá chung

- Chỉ số Thanh toán trực tuyến giảm mạnh -0.21 điểm (từ 9.98 xuống 9.77), đây là nguyên nhân chính khiến tổng điểm giảm.

- Các chỉ số khác tuy có tăng nhẹ nhưng không đủ bù đắp: Dịch vụ công trực tuyến +0.08, Tiến độ giải quyết +0.05, Số hóa hồ sơ +0.03

- Hai chỉ số Công khai minh bạch và Mức độ hài lòng giữ nguyên, chưa có cải thiện.

II. KẾT QUẢ XẾP HẠNG

1. Các sở, ngành

Tuần này chứng kiến sự thay đổi đáng chú ý trong bảng xếp hạng các sở, ngành. Văn phòng UBND tỉnh vẫn duy trì vị trí dẫn đầu với 94.57 điểm. Tuy nhiên, điểm đáng lưu ý là Sở Nội vụ - đơn vị từng đứng thứ 2 trong tuần trước - đã giảm mạnh xuống hạng 10 với 88.49 điểm (giảm 5.62 điểm). Đây là mức giảm đáng chú ý nhất trong tất cả các đơn vị (các bộ phận liên quan đang rà soát tìm hiểu nguyên nhân).

STT	Sở/Ngành	Điểm 27/10	Điểm 20/10	Biến động
1	Văn phòng UBND tỉnh	94.57	94.57	= Giữ nguyên
2	BQL các khu công nghiệp	93.96	93.88	↑ +0.08
3	Sở Y tế	93.08	93.32	↓ -0.24
4	Sở Khoa học và Công nghệ	92.75	93.14	↓ -0.39
5	Sở Xây Dựng	92.38	92.41	↓ -0.03
6	Sở Tư Pháp	91.78	91.76	↑ +0.02
7	Sở Dân tộc và Tôn giáo	91.03	90.03	↑ +1.00
8	Sở Nông nghiệp và MT	90.99	91.60	↓ -0.61
9	Sở Văn hóa - TT và DL	90.47	90.40	↑ +0.07
10	Sở Nội vụ	88.49	94.11	↓ -5.62
11	Sở Công thương	87.72	86.22	↑ +1.50
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	86.55	89.06	↓ -2.51
13	Sở Tài Chính	85.96	86.00	↓ -0.04

(*) Ghi chú: Sở Công Thương hiện đang gặp vướng mắc về đồng bộ dữ liệu trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, dẫn đến số liệu hiển thị chưa phản ánh đầy đủ thực tế. Văn phòng Chính phủ đang phối hợp xử lý.

- Sở Nội vụ giảm mạnh -5.62 điểm và tụt từ hạng 2 xuống hạng 10. Cần kiểm tra ngay các chỉ số thành phần của đơn vị, đặc biệt là chỉ số Thanh toán trực tuyến (giảm từ 10 xuống 4.97 điểm).

- Sở Giáo dục và Đào tạo giảm 2.51 điểm, chủ yếu do chỉ số Thanh toán trực tuyến giảm mạnh (từ 6.00 xuống 3.83 điểm).

- Sở Công thương cải thiện đáng kể +1.50 điểm, do vấn đề đồng bộ dữ liệu đã được xử lý phần nào.

- Sở Dân tộc và Tôn giáo tăng +1.00 điểm, từ hạng 10 lên hạng 7, cho thấy nỗ lực cải thiện rõ rệt.

2. Các xã, phường

2.1. Top 10 xã/phường dẫn đầu (tính đến thời điểm 27/10)

STT	Xã/Phường	Điểm 27/10	Điểm 20/10	Biến động
1	Phường Bắc Giang	93.86	93.38	+0.48
2	Phường Tân Tiến	93.75	93.57	+0.18
3	Xã Hợp Thịnh	93.48	93.57	-0.09
4	Phường Tiền Phong	92.81	92.74	+0.07
5	Xã Xuân Cầm	92.76	92.75	+0.01
6	Xã Hoàng Vân	92.66	92.43	+0.23
7	Xã An Lạc	92.64	92.59	+0.05
8	Xã Hiệp Hòa	92.59	92.36	+0.23
9	Phường Cảnh Thụy	92.53	92.58	-0.05
10	Phường Đa Mai	92.51	92.27	+0.24

(*) Ghi chú: Do hệ thống đang tính sai, có 07 đơn vị bị trừ 02 điểm kỹ thuật (đồng thời trừ trong chỉ số "Số hóa hồ sơ") gồm: Phường Vũ Ninh, Phường Nénh, Xã Mỹ Thái, Xã Tân Yên, Xã Cao Đức, Xã Văn Môn, Xã Nhân Thắng. Việc điều chỉnh này nhằm bảo đảm công bằng, khách quan giữa các đơn vị.

- **Phường Bắc Giang** vươn lên dẫn đầu với 93,86 điểm, tăng 0,48 điểm so với tuần trước (từ 93,38 lên 93,86). Đây là đơn vị duy nhất trong Top 3 có xu hướng tăng điểm mạnh mẽ và bền vững. Điểm nổi bật của Phường Bắc Giang là các chỉ số đều ở mức cao và cân đối, đặc biệt là Thanh toán trực tuyến đạt 9,82/10 điểm.

- **Phường Tân Tiến** (hạng 2, 93,75 điểm) tăng 0,18 điểm so với tuần trước, tiếp tục duy trì vị trí cao nhờ Tiên độ giải quyết xuất sắc (19,98/20) và Số hóa hồ sơ tốt (19,74/22).

- **Xã Hợp Thịnh** xếp hạng 3 với 93,48 điểm, giảm 0,09 điểm so với tuần trước. Điểm mạnh của Xã là Thanh toán trực tuyến đạt 9,88/10 điểm - cao nhất trong tất cả các đơn vị. Tuy nhiên, cần cải thiện thêm chỉ số Dịch vụ công trực tuyến để duy trì vị trí trong Top 3.

- **Phường Tiền Phong** (hạng 4, 92,81 điểm) có bước tiến đáng kể, tăng 0,07 điểm. Phường nổi bật với Tiên độ giải quyết rất cao (19,85/20 điểm), cho thấy hiệu quả xử lý hồ sơ của cán bộ địa phương.

- **Xã Xuân Cẩm** (hạng 5, 92,76 điểm) duy trì ổn định với mức tăng nhẹ 0,01 điểm. Xã có điểm cân đối ở tất cả các chỉ số, không có điểm yếu nổi bật.

- **Xã Hoàng Vân** (hạng 6, 92,66 điểm) tăng 0,23 điểm, là một trong những đơn vị có mức tăng tốt trong Top 10. Đây là minh chứng cho nỗ lực liên tục của địa phương.

- **Xã An Lạc** (hạng 7, 92,64 điểm) duy trì vị trí với mức tăng nhẹ 0,05 điểm. Điểm mạnh là Số hóa hồ sơ đạt 19,90/22 điểm.

- **Xã Hiệp Hòa** (hạng 8, 92,59 điểm) có bước tiến vượt bậc, tăng 0,23 điểm và nhảy từ hạng 11 lên hạng 8.

- **Phường Cảnh Thụy** (hạng 9, 92,53 điểm) giảm nhẹ 0,05 điểm nhưng vẫn giữ được vị trí trong Top 10. Phường có Tiến độ giải quyết rất tốt (19,78/20 điểm).

- **Phường Đa Mai** (hạng 10, 92,51 điểm) có bước tiến ấn tượng, tăng 0,24 điểm và nhảy từ hạng 15 lên hạng 10. Đây là đơn vị có mức tăng cao nhất trong Top 10, cho thấy nỗ lực rõ rệt của địa phương.

Đánh giá chung: Khoảng cách giữa hạng 1 và hạng 10 chỉ là 1,35 điểm (từ 93,86 xuống 92,51), giảm đáng kể so với tuần trước (1,57 điểm). Điều này phản ánh mặt bằng chất lượng phục vụ ngày càng đồng đều và cạnh tranh ở nhóm đầu. Đặc biệt, 10 đơn vị trong Top 10 đều có tổng điểm trên 92,5 điểm - một thành tích xuất sắc.

2.2. 10 xã/phường có điểm thấp nhất (tính đến thời điểm 27/10)

STT	Xã/Phường	Điểm 27/10	Điểm 20/10	Biến động
90	Xã Chi Lăng	90.26	90.63	-0.37
91	Xã Yên Thế	90.06	89.95	+0.11
92	Xã Đèo Gia	89.99	89.78	+0.21
93	Xã Phù Lãng	89.93	90.05	-0.12
94	Xã Nhân Thắng (*)	89.88	90.57	-0.69
95	Xã Xuân Lương	89.72	89.59	+0.13
96	Xã Cẩm Lý	89.72	88.88	+0.84
97	Xã Tam Đa	88.96	88.86	+0.10
98	Phường Phù Khê	88.91	88.79	+0.12
99	Xã Đại Lai	88.13	88.91	-0.78

Nhận xét:

- Khoảng cách chênh lệch: Từ hạng 90 (90,26 điểm) xuống hạng 99 (88,13 điểm) là 2,13 điểm, cho thấy sự chênh lệch đáng kể trong nhóm này.

- Khoảng cách với đầu bảng: Từ hạng 1 (93,86 điểm) xuống hạng 99 (88,13 điểm) là 5,73 điểm, cao hơn tuần trước (4,78 điểm), phản ánh khoảng cách giữa nhóm đầu và nhóm cuối đang có xu hướng gia tăng.

- Xu hướng biến động: Trong 10 đơn vị cuối, có 6 đơn vị tăng điểm (Yên Thế, Đèo Gia, Xuân Lương, Cẩm Lý, Tam Đa, Phù Khê), 2 đơn vị giảm điểm (Chi Lăng, Phù Lăng, Đại Lai), và 1 đơn vị giảm do lỗi kỹ thuật (Nhân Thắng). Điều này cho thấy đa số các đơn vị đang có nỗ lực cải thiện.

- Điểm đáng chú ý: Xã Cẩm Lý là điển hình tích cực với mức tăng 0,84 điểm, trong khi Xã Đại Lai là điển hình tiêu cực với mức giảm 0,78 điểm.

- Vấn đề chung: Nhóm này có 3 chỉ số yếu nhất là: (1) Tiến độ giải quyết (Yên Thế 17,99; Tam Đa 16,95; Cẩm Lý 16,94), (2) Thanh toán trực tuyến (Phù Lăng 8,04; Đèo Gia 8,13; Đại Lai 8,13), và (3) Số hóa hồ sơ (Phù Khê 17,44; Đại Lai 17,87; Xuân Lương 17,99). Đây là 3 chỉ số cần được tập trung hỗ trợ cho nhóm cuối bảng.

(có Phụ lục bảng xếp hạng và dữ liệu chi tiết kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ KIẾN NGHỊ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TUẦN TỚI

1. Đánh giá chung:

Tuần thứ sáu liên tiếp giữ vị trí số 1 toàn quốc tiếp tục khẳng định sự ổn định và bền vững trong công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số của tỉnh Bắc Ninh. Tính đến ngày 27/10/2025, tỉnh đạt 91,73/100 điểm, giảm nhẹ -0,05 điểm so với tuần trước. Mức giảm này là dao động nhỏ trong quá trình vận hành, không ảnh hưởng đến vị thế dẫn đầu của tỉnh.

Ở cấp sở, ngành, Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục dẫn đầu với 94,57 điểm. Ban Quản lý các khu công nghiệp vươn lên vị trí số 2 (93,96 điểm). Đáng chú ý, Sở Nội vụ giảm mạnh xuống hạng 10 (88,49 điểm) - đây là điểm cần được quan tâm và có biện pháp khắc phục kịp thời.

Ở cấp xã, phường, Phường Bắc Giang vươn lên dẫn đầu với 93,86 điểm. Phường Tân Tiến và Xã Hợp Thịnh xếp hạng 2 và 3 với 93,75 và 93,48 điểm. Tuần này vẫn có 7 đơn vị bị trừ 2 điểm do hệ thống Cổng Dịch vụ công Quốc gia tính sai chưa được xử lý, gồm: Phường Vũ Ninh, Xã Cao Đức, Xã Văn Môn, Xã Nhân Thắng, Phường Nénh, Xã Mỹ Thái, Xã Tân Yên. Thứ hạng đã được điều chỉnh lại để đảm bảo công bằng.

Ở nhóm cuối bảng, Xã Sa Lý và Xã Cẩm Lý có bước tiến đáng kể. Tuy nhiên, Xã Đại Lai có điểm thấp nhất (88,13) và giảm so với tuần trước. Khoảng cách giữa nhóm dẫn đầu và nhóm cuối tăng nhẹ lên 5,73 điểm.

Nhìn chung, kết quả tuần này khẳng định vị thế dẫn đầu của tỉnh. Tuy nhiên, cần tiếp tục tập trung khắc phục chỉ số Thanh toán trực tuyến bị sụt giảm, đồng thời hỗ trợ Sở Nội vụ và các xã, phường có điểm thấp để đảm bảo không có biến động tiêu cực ở bất kỳ đơn vị nào.

2. Kiến nghị nhiệm vụ trọng tâm tuần tới

Để tiếp tục giữ vững vị trí số 1 toàn quốc, đảm bảo đà tăng điểm ổn định và bền vững, đề nghị các cơ quan, đơn vị tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, tập trung khắc phục chỉ số Thanh toán trực tuyến bị sụt giảm.

- Xác định cụ thể các hồ sơ, dịch vụ gây ảnh hưởng và có biện pháp khắc phục trong tuần tới.

- Tăng cường triển khai thanh toán trực tuyến cho các dịch vụ công, đảm bảo tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt tối thiểu 95%.

Thứ hai, hỗ trợ Sở Nội vụ khắc phục tình trạng giảm điểm mạnh.

- Sở Nội vụ: Rà soát toàn diện nguyên nhân giảm điểm, tập trung khắc phục các chỉ số yếu kém, đặc biệt là Dịch vụ công trực tuyến và Thanh toán trực tuyến.

- Văn phòng UBND tỉnh (TTPVHCC): Phối hợp với Sở Nội vụ để hỗ trợ kỹ thuật và nghiệp vụ, đảm bảo đơn vị phục hồi điểm số trong tuần tới.

Thứ ba, tăng cường công khai, minh bạch và duy trì ổn định hệ thống kỹ thuật. Tiếp tục duy trì chỉ số Công khai, minh bạch (15,64/18 điểm) và Mức độ hài lòng (17,86/18 điểm). Thường xuyên cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin về thủ tục hành chính lên Cổng Dịch vụ công.

Theo dõi và giải quyết kịp thời các vấn đề liên quan đến việc hệ thống Cổng Dịch vụ công Quốc gia tính sai điểm số. Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ để đảm bảo dữ liệu phản ánh chính xác.

Thứ tư, hỗ trợ các xã, phường có điểm thấp cải thiện kết quả.

- Tập trung hỗ trợ đặc biệt cho Xã Đại Lai (88,13 điểm) và các xã có điểm dưới 90 để cải thiện điểm số.

- Văn phòng UBND tỉnh (TTPVHCC) tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho các đơn vị có điểm thấp, tìm hiểu nguyên nhân và có giải pháp khắc phục kịp thời.

Trên đây là báo cáo về đánh giá Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử tính đến ngày 20/10 năm 2025./.

Nơi nhận: (35)

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Đảng ủy các xã, phường;
- UBND các xã, phường;
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP, TH, NC;
- + LĐTT; các phòng thuộc TT;
- + Lưu: VT. TTPVHCC.

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Ngọc Nam

Phụ lục bảng xếp hạng và dữ liệu chi tiết
(tính đến ngày 27/10/2025)

1. CÁC SỞ, NGÀNH (13 ĐƠN VỊ)

STT	Sở/Ngành	Công khai (18)	Tiến độ (20)	DV công (10)	Thanh toán (10)	Hài lòng (18)	Số hóa (22)	Tổng (100)
1	Văn phòng UBND tỉnh	18	20	10	10	18	18.57	94.57
2	Ban Quản lý các khu công nghiệp	18	19.68	10	10	18	18.28	93.96
3	Sở Y tế	18	19.2	10	10	18	17.88	93.08
4	Sở Khoa học và Công nghệ	18	18.76	9.61	9.61	18	18.38	92.75
5	Sở Xây Dựng	18	19.42	10	10	18	16.96	92.38
6	Sở Tư Pháp	18	18.16	9.82	9.82	18	17.8	91.78
7	Sở Dân tộc và Tôn giáo	18	20	10	10	18	15.03	91.03
8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	18	18.14	9.63	9.63	18	17.22	90.99
9	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	18	17.68	10	10	17.89	16.9	90.47
10	Sở Nội vụ	18	19.5	4.97	4.97	18	18.02	88.49
11	Sở Công thương	13.54	19.22	8.79	8.79	18	18.17	87.72
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	18	19.68	3.83	3.83	18	17.04	86.55
13	Sở Tài Chính	18	18.38	7	7	18	14.58	85.96

(* **Ghi chú:** Sở Công Thương hiện đang gặp vướng mắc về đồng bộ dữ liệu trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, dẫn đến số liệu hiển thị chưa phản ánh đầy đủ thực tế. Văn phòng Chính phủ đang phối hợp xử lý.

2. CÁC XÃ, PHƯỜNG (99 ĐƠN VỊ)

STT	Xã/Phường	C.khai (18)	T.độ (20)	DV công (12)	Thanh toán (10)	H.lòng (18)	S.hóa (22)	Tổng (100)
1	Phường Bắc Giang	18	19.53	8.27	9.82	18	19.79	93.86
2	Phường Tân Tiến	18	19.98	8.15	9.68	18	19.74	93.75
3	Xã Hợp Thịnh	18	19.64	8.22	9.88	18	19.82	93.48
4	Phường Tiền Phong	18	19.85	8.13	9.11	18	19.70	92.81
5	Xã Xuân Cẩm	18	19.40	8.21	9.51	18	19.64	92.76
6	Xã Hoàng Vân	18	19.33	8.14	9.27	18	19.68	92.66
7	Xã An Lạc	18	19.95	8.08	8.68	18	19.90	92.64
8	Xã Hiệp Hòa	18	19.35	8.25	9.35	18	19.41	92.59
9	Phường Cảnh Thụy	18	19.78	8.11	9.05	18	19.65	92.53
10	Phường Đa Mai	18	19.43	8.11	9.25	18	19.58	92.51
11	Xã Nghĩa Phương	18	19.70	8.10	8.68	18	19.81	92.48
12	Phường Chũ	18	19.53	8.13	9.14	18	19.57	92.47
13	Xã Sơn Động	18	19.93	8.10	8.89	18	19.43	92.43
14	Phường Kinh Bắc	18	19.46	8.13	9.18	18	19.50	92.43
15	Phường Tân An	18	19.67	8.11	8.93	18	19.72	92.39
16	Phường Võ Cường	18	19.78	8.13	8.86	18	19.58	92.36
17	Xã Tuấn Đạo	18	20.00	8.07	8.79	18	19.46	92.33
18	Xã Lạng Giang	18	19.62	8.20	8.31	18	19.60	92.32
19	Xã Đồng Việt	18	19.43	8.11	8.89	18	19.69	92.25
20	Phường Nénh (*)	18	19.30	8.11	9.11	18	19.52	92.17
21	Phường Việt Yên	18	19.11	8.21	9.17	18	19.80	92.11
22	Xã Mỹ Thái (*)	18	19.95	8.10	8.29	18	19.65	92.08
23	Phường Quế Võ	18	19.59	8.11	8.65	18	19.70	92.01
24	Xã Tân Sơn	18	19.93	8.07	8.19	18	19.56	92.01
25	Phường Yên Dũng	18	19.38	8.13	8.81	18	19.70	92.01
26	Xã Đông Phú	18	19.46	8.10	8.82	18	19.60	92.00
27	Xã Yên Phong	18	19.59	8.11	8.69	18	19.57	91.96
28	Phường Nam Sơn	18	19.62	8.13	8.69	18	19.58	91.96
29	Phường Hạp Lĩnh	18	19.92	8.10	8.37	18	19.59	91.94
30	Xã Biện Động	18	19.70	8.08	8.39	18	19.61	91.92
31	Phường Vũ Ninh (*)	18	19.63	8.10	8.75	18	19.41	91.91

STT	Xã/Phường	C.khai (18)	T.độ (20)	DV công (12)	Thanh toán (10)	H.lòng (18)	S.hóa (22)	Tổng (100)
32	Phường Phương Liễu	18	19.48	8.11	8.75	18	19.78	91.86
33	Xã Lục Sơn	18	19.98	8.07	8.13	18	19.69	91.83
34	Xã Phật Tích	18	19.87	8.11	8.52	18	19.63	91.83
35	Xã Yên Định	18	19.96	8.07	8.19	18	19.37	91.77
36	Xã Tân Yên (*)	18	19.56	8.11	8.82	18	19.19	91.74
37	Xã Nhã Nam	18	19.80	8.08	8.65	18	19.43	91.74
38	Xã Tân Dĩnh	18	19.50	8.11	8.18	18	19.81	91.73
39	Phường Tam Sơn	18	19.74	8.11	8.45	18	19.43	91.67
40	Phường Phượng Sơn	18	19.19	8.08	8.94	18	19.13	91.49
41	Xã Tam Tiến	18	18.31	8.13	9.00	18	19.76	91.49
42	Xã Lục Ngạn	18	19.27	8.06	8.46	18	19.54	91.49
43	Xã Quang Trung	18	19.57	8.07	8.63	18	19.03	91.48
44	Xã Vân Sơn	18	19.96	8.07	8.31	18	19.42	91.46
45	Phường Ninh Xá	18	19.93	8.08	8.17	18	19.57	91.44
46	Xã Tân Chi	18	19.64	8.10	8.68	18	18.96	91.44
47	Phường Vân Hà	18	18.39	8.13	9.23	18	19.64	91.40
48	Phường Đồng Nguyên	18	19.68	8.11	8.61	18	18.90	91.35
49	Phường Song Liễu	18	18.17	8.13	8.78	18	19.32	91.34
50	Xã Yên Trung	18	19.31	8.11	8.42	18	19.58	91.28
51	Xã Đồng Kỳ	18	18.75	8.11	8.84	18	19.57	91.25
52	Phường Nhân Hoà	18	19.24	8.14	8.89	18	19.04	91.25
53	Phường Trí Quả	18	19.40	8.10	8.54	18	19.35	91.25
54	Xã Văn Môn (*)	18	19.78	8.08	7.29	18	19.62	91.23
55	Xã Bắc Lũng	18	19.36	8.10	8.42	18	19.57	91.23
56	Xã Dương Hưu	18	19.52	8.08	8.54	18	18.86	91.20
57	Phường Trạm Lộ	18	19.40	8.08	8.52	18	19.42	91.20
58	Xã Kép	18	19.76	8.11	7.71	18	19.26	91.19
59	Phường Từ Sơn	18	19.74	8.14	8.68	18	18.82	91.19
60	Phường Tụ Lạn	18	18.42	8.14	8.33	18	19.62	91.17
61	Xã Sơn Hải	18	19.43	8.07	8.36	18	19.27	91.13
62	Phường Bồng Lai	18	19.69	8.11	8.52	18	18.86	91.12
63	Xã Đại Sơn	18	19.82	8.04	8.31	18	18.93	91.12

STT	Xã/Phường	C.khai (18)	T.độ (20)	DV công (12)	Thanh toán (10)	H.lòng (18)	S.hóa (22)	Tổng (100)
64	Xã Lương Tài	18	19.33	8.10	8.71	18	18.97	91.09
65	Xã Phúc Hòa	18	19.64	8.11	8.49	18	19.29	91.08
66	Xã Biên Sơn	18	18.88	8.08	8.43	18	19.51	91.05
67	Xã Ngọc Thiện	18	19.39	8.15	8.75	18	18.74	91.04
68	Xã Kiên Lao	18	18.30	8.10	8.89	18	19.64	91.02
69	Xã Nam Dương	18	19.12	8.06	8.13	18	19.37	91.00
70	Phường Thuận Thành	18	18.92	8.11	8.56	18	19.25	90.92
71	Xã Tây Yên Tử	18	18.95	8.06	8.74	18	18.98	90.87
72	Xã Bồ Hạ	18	18.44	8.11	8.39	18	19.65	90.83
73	Xã Cao Đức (*)	18	19.35	8.07	8.54	18	19.48	90.77
74	Xã Tam Giang	18	19.43	8.10	8.37	18	19.45	90.76
75	Phường Mão Điền	18	19.21	8.10	8.59	18	19.09	90.69
76	Xã Đại Đồng	18	18.73	8.13	8.84	18	18.96	90.67
77	Xã Gia Bình	18	19.48	8.10	8.13	18	19.02	90.61
78	Xã Trung Khê	18	19.43	8.10	8.71	18	18.39	90.60
79	Xã Trung Chính	18	19.12	8.13	8.65	18	18.55	90.57
80	Xã Tiên Du	18	19.00	8.13	8.61	18	18.67	90.55
81	Xã Đông Cứu	18	18.49	8.10	8.58	18	19.34	90.53
82	Xã Lâm Thao	18	18.93	8.11	8.57	18	18.66	90.51
83	Xã Liên Bảo	18	19.08	8.11	8.23	18	19.18	90.50
84	Xã Tiên Lục	18	19.53	8.11	8.49	18	18.90	90.44
85	Phường Đào Viên	18	18.83	8.11	8.38	18	19.27	90.43
86	Xã Bảo Đài	18	18.30	8.11	8.75	18	19.19	90.40
87	Xã Lục Nam	18	18.79	8.08	8.56	18	18.92	90.38
88	Xã Sa Lý	18	19.25	8.07	7.54	18	19.43	90.31
89	Xã Trường Sơn	18	18.35	8.07	8.52	18	19.37	90.30
90	Xã Chi Lăng	18	19.23	8.10	8.54	18	18.73	90.26
91	Xã Yên Thế	18	17.99	8.14	8.48	18	19.43	90.06
92	Xã Đèo Gia	18	18.68	8.08	8.13	18	19.01	89.99
93	Xã Phù Lãng	18	19.25	8.10	8.04	18	19.07	89.93
94	Xã Nhân Thắng (*)	18	19.00	8.10	8.71	18	18.67	89.88
95	Xã Xuân Lương	18	18.72	8.10	8.82	18	17.99	89.72

STT	Xã/Phường	C.khai (18)	T.độ (20)	DV công (12)	Thanh toán (10)	H.lòng (18)	S.hóa (22)	Tổng (100)
96	Xã Cẩm Lý	18	16.94	8.11	8.58	17	19.64	89.72
97	Xã Tam Đa	18	16.95	8.10	8.64	17	19.53	88.96
98	Phường Phù Khê	18	18.75	8.10	8.57	18	17.44	88.91
99	Xã Đại Lai	18	18.64	8.10	8.13	18	17.87	88.13

(*)**Chú thích:** Do hệ thống của Cổng dịch vụ công Quốc gia tính sai điểm số (+2 điểm số hóa hồ sơ cho 07/99 đơn vị), 07 đơn vị được đánh dấu (*) đã bị trừ 2 điểm ở chỉ số số hóa hồ sơ và tổng điểm. Thứ hạng trong bảng trên đã được điều chỉnh để đảm bảo công bằng.

Nguồn dữ liệu: Cổng dịch vụ công Quốc gia

Thời điểm cập nhật: 27/10/2025

Nguồn: <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-tiendogiaiquyet.html>